

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
V/v Huỷ kết hôn trái pháp luật

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần phiên họp giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Hữu Tình

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 03/2024/TLST-VHNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024 về việc “Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình số: 03/2024/QĐST - VHNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu:

+ Anh **Trần Việt P**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: **Tổ dân phố M, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**. Có mặt.

+ Chị **Nguyễn Thị Phương N**, sinh năm 1992

Nơi cư trú: **Tổ dân phố T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**. Có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện: Ông **Ngô Văn S** - Chủ tịch. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo nội dung của Đơn yêu cầu đề ngày 31/8/2024, Bản tự khai, quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu và tại phiên họp, người yêu cầu - anh **Trần Việt P** trình bày:

Anh và chị **Phan Thị H** (Là vợ cũ của anh **P**) đã ly hôn theo Bản án số 14/2020/HNGĐ - ST ngày 20/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Do không hiểu biết về pháp luật nên ngày 30/6/2014, anh đã cùng với chị **Nguyễn Thị Phương N** đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **Q**, thị xã **B**, tỉnh **Quảng Bình**. Nhận thấy vì sự thiếu hiểu biết của mình đã dẫn đến việc đăng ký kết hôn của anh là sai quy định pháp luật nên anh làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị **Nguyễn Thị Phương N**.

Tại Đơn yêu cầu đề ngày 31/8/2024, Bản tự khai, quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu và tại phiên họp, người yêu cầu - chị **Nguyễn Thị Phương N** cũng trình bày:

Ngày 30/6/2014, chị đã cùng với anh **Trần Việt P** thực hiện việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường **Q**, thị xã **B**, tỉnh **Quảng Bình** theo quy định của pháp luật. Nhưng sau đó, phía Công an thị xã **B** có báo cho chị biết về việc chị **Phan Thị H**, sinh năm 1987, trú tại xã **H**, huyện **H**, tỉnh **Nghệ An** (Là vợ cũ của anh **P**) đã nộp đơn tố cáo anh **P** vi phạm chế độ một vợ một chồng theo quy định của pháp luật thì lúc đó chị mới biết anh **P** kết hôn với chị khi chưa làm thủ tục ly hôn với chị **H**. Nay, chị cùng với anh **Trần Việt P** làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh **Trần Việt P**.

Tại Đơn yêu cầu, Bản tự khai, quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu và tại phiên họp, người yêu cầu - anh **Trần Việt P**, chị **Nguyễn Thị Phương N** cùng thống nhất trình bày: Về con chung, sau khi kết hôn, quá trình chung sống, anh chị có 03 con chung, tên là **Trần Việt N1**, sinh ngày 06/3/2015, **Trần Ngọc A**, sinh ngày 08/02/2017 và **Trần Kim C**, sinh ngày 14/6/2019. Sau khi huỷ kết hôn trái pháp luật, anh chị thống nhất giao 03 con chung cho chị **Nguyễn Thị Phương N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **P** không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Về tài sản chung và nợ chung, anh chị thống nhất quá trình chung sống không có tài sản chung và nợ chung gì.

Quá trình giải quyết vụ việc, với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tại Công văn số 203/CV - UBND ngày 23/9/2024 của Ủy ban nhân dân phường **Q**, thị xã **B**, tỉnh **Quảng Bình** về việc trả lời nội dung liên quan đến việc kết hôn của công dân trên địa bàn phường **Q**, Ủy ban phường xác nhận: Ngày

30/6/2014, khi có yêu cầu đăng ký kết hôn của công dân anh **Trần Việt P**, sinh ngày 06/02/1987, có chứng minh nhân dân số 194285563, nơi thường trú tại **phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình** và chị **Nguyễn Thị Phương N**, sinh ngày 06/4/1992, có chứng minh nhân dân số 194507292, nơi thường trú tại **phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình** thì Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã cử công chức tư pháp - hộ tịch tiếp nhận yêu cầu và kiểm tra các giấy tờ liên quan. Nhận thấy các giấy tờ đã đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật nên ngày 30/6/2014, Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N** có các thông tin cá nhân như trên theo quy định của pháp luật. Nay, bản thân anh **P**, chị **N** nhận thấy việc đăng ký kết hôn của họ là không đúng quy định của pháp luật với lý do khi anh **P** chưa ly hôn với vợ cũ là chị **Phan Thị H** mà đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn với chị **N** nên anh **P**, chị **N** đồng thuận yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tuyên bố huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh **P** và chị **N** theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét thấy yêu cầu này của anh **P**, chị **N** là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật nên đồng ý với yêu cầu của anh **P**, chị **N**, yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tuyên bố huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh **P** và chị **N** theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N** vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình tuyên bố huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N** theo quy định của pháp luật.

Tại phiên họp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về mặt nội dung: Thấy rằng yêu cầu của người yêu cầu là có cơ sở nên đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình áp dụng điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 143, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình: Mở phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Về yêu cầu của người yêu cầu, chấp

nhận đơn yêu cầu của anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N**, tuyên bố huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N**. Về con chung, sau khi huỷ kết hôn trái pháp luật, giao 03 con chung, tên là **Trần Việt N1**, sinh ngày 06/3/2015, **Trần Ngọc A**, sinh ngày 08/02/2017 và **Trần Kim C**, sinh ngày 14/6/2019 cho chị **Nguyễn Thị Phương N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **P** không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Về tài sản chung và nợ chung, do anh chị thống nhất quá trình chung sống không có tài sản chung và nợ chung gì nên không xem xét. Về lệ phí, anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N** phải chịu tiền lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N** có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình yêu cầu tuyên bố huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N**. Mặt khác, do anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N** đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình** nên việc Hôn nhân và gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thủ tục mở phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng để người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên họp. Tuy nhiên, tại phiên họp, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành mở phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là **Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình**.

[2] Về quan điểm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N** đều thừa nhận: Hai người tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 30/6/2014. Thời điểm này trước với thời điểm ngày 20/4/2020, là ngày mà anh **Trần Việt P** và chị **Phan Thị H** ly hôn theo Bản án số 14/2020/HNGĐ - ST ngày 20/4/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Quá trình giải quyết vụ việc, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã tiến hành yêu cầu Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình xác nhận lại thông tin về việc kết hôn giữa anh **P** và chị **N** và Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình đã xác nhận là có sự việc kết hôn này.

Qua các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ vụ việc, xét thấy, việc anh **P** và chị **N** đăng ký kết hôn trước thời điểm anh **P** ly hôn với chị **H** là trái với quy định pháp luật quy định điểm c khoản 2 Điều 5 và điểm d khoản 1 Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, việc anh **P**, chị **N** thống nhất yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh **P** và chị **N** là hoàn toàn có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Tại phiên họp, anh **P** và chị **N** trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình tuyên bố huỷ kết hôn trái pháp luật giữa anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N**.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N** đều thống nhất thừa nhận quá trình chung sống có 03 con chung, tên là **Trần Việt N1**, sinh ngày 06/3/2015, **Trần Ngọc A**, sinh ngày 08/02/2017 và **Trần Kim C**, sinh ngày 14/6/2019. Xét thấy, anh **P**, chị **N** đều thống nhất sau khi huỷ kết hôn trái pháp luật sẽ giao 03 con cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh **P** không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 03 con chung. Quá trình giải quyết vụ việc, hai cháu **Trần Việt N1** và **Trần Ngọc A** đều trên 07 tuổi đều đã có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy, xét nguyện vọng của anh **P**, chị **N** giao 03 con cho chị **N** được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn chính đáng và phù hợp, nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 03 con chung cho chị **N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Anh **P** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung do anh **P** và chị **N** đã tự thống nhất với nhau nên Tòa án không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ việc cũng như tại phiên họp, anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N** đều thừa nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên họp:

Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Người yêu cầu là anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N** phải nộp 300.000 đồng tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 8, Điều 11, Điều 12, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 143, Điều 366, Điều 367, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TANDTC - VKSNDTC - BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Mở phiên họp vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Chấp nhận yêu cầu về việc hủy kết hôn trái pháp luật của anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N**.

Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N**, theo giấy chứng nhận kết hôn Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp ngày 30/6/2014.

3. Về quan hệ con chung:

Giao 03 con chung, tên là **Trần Việt N1**, sinh ngày 06/3/2015, **Trần Ngọc A**, sinh ngày 08/02/2017 và **Trần Kim C**, sinh ngày 14/6/2019 cho chị **Nguyễn Thị Phương N** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Trần Việt P** không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi 03 con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình: Anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc Hôn nhân và gia đình để sung công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà anh, chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003416 ngày 11 tháng 9 năm 2024. Anh **P**, chị **N** đã nộp đủ tiền lệ phí theo quy định.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Phiên họp giải quyết việc Hôn nhân và gia đình, Viện kiểm sát nhân dân **thị xã B, tỉnh Quảng Bình** được quyền kháng nghị, anh **Trần Việt P** và chị **Nguyễn Thị Phương N** có mặt được quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày; Ủy ban nhân dân phường **Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình** vắng mặt có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 30/9/2024.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ba Đồn;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- THADS thị xã Ba Đồn;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Hữu Tình